|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  **CỤC TRỒNG TRỌT VÀ**  **BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 17/BC7N-TTBVTV |  |

**BÁO CÁO  
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

*(Từ ngày 18 đến ngày 24 tháng 04 năm 2025)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo dữ liệu Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,3 0C; Cao nhất: 36,4 0C; Thấp nhất: 20 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 81 %; Cao nhất: 90,1 %; Thấp nhất: 69,5%.

*- Nhận xét:* Trong kỳ ban ngày trời nắng, có lúc có mưa rào và dông dải rác. Cục bộ vùng núi có nơi có mưa to và dông lốc. Trong kỳ xảy ra mưa đá tại Sơn La, Hà Giang và Cao Bằng gây ảnh hưởng đến một số diện tích hoa màu.

*- Dự báo trong tuần tới*: Ngày 25/4, khoảng từ chiều tối ngày 27/4-28/4 và từ 30/4-01/5 có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa to (tập trung vào chiều tối và đêm). Riêng thời kỳ từ ngày 26-27/4 và ngày 29/4 phổ biến có mưa vài nơi, ngày nắng.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,6 0C; Cao nhất: 38,3 0C; Thấp nhất: 21,5 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 82,0 %; Cao nhất: 86,3 %; Thấp nhất: 76,8 %.

*- Nhận xét:* Từ 18/4 - 24/4, Sáng sớm có sương mù nhẹ, trưa chiều trời nắng, vùng núi có nơi nắng nóng có mưa rào và dông

*- Dự báo trong tuần tới:* Từ ngày 25/4-27/4 và ngày 01/5, phổ biến chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Từ chiều tối ngày 27-30/4 có mưa rào rải rác và có nơi có dông (tập trung về chiều tối và đêm).

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB):*

Nhiệt độ: Trung bình: 28 0C; Cao nhất: 32,4 0C; Thấp nhất: 25,1 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 86 %; Cao nhất: 89,5 %; Thấp nhất: 82,9 %.

*b) Tây Nguyên:*

Nhiệt độ: Trung bình: 24,5 0C; Cao nhất: 36,2 0C; Thấp nhất: 13,2 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 76,0 %; Cao nhất: 89,3 %; Thấp nhất: 65,8 %.

*- Nhận xét:* Thời tiết tuần qua ở khu vực Đồng bằng trời nắng nóng, đêm và sáng sớm có sương mù; Khu vực Tây Nguyên ngày nắng, đêm và sáng sớm có sương, có mưa vừa và dông vài nơi. Nhìn chung, thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa Đông Xuân, xuống giống lúa Hè Thu sớm. Lúa Đông Xuân, lúa Hè Thu, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng phát triển bình thường.

*- Dự báo trong tuần tới:*

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Thời kỳ từ ngày 25/4-01/5, phổ biến có mưa vài nơi, ngày nắng. Riêng khu vực Nha Trang đến Bình Thuận khoảng ngày 01/5 có mưa rào rải rác và có nơi có dông.

+ Tây Nguyên: Thời kỳ từ ngày 25/4-29/4, ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Ngày 40/4-01/5, chiều tối và tối có khả năng có mưa rào và dông rải rác.

***1.4. Các tỉnh Nam bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 29,5 0C; Cao nhất: 36,7 0C; Thấp nhất: 25,0 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 78,3 %; Cao nhất: 85 %; Thấp nhất: 69,5 %.

*- Nhận xét:* Trong kỳ, thời tiết chủ yếu có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng.

*- Dự báo trong tuần tới:*

+ Đông Nam Bộ: Thời kỳ từ ngày 25/4-29/4, ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Ngày 30/4-01/5, chiều tối và tối có khả năng có mưa rào và dông rải rác.

+ Tây Nam Bộ: Thời kỳ từ ngày 25/4-29/4, ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc bộ***

*a) Cây lúa*

Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **700.606 ha/ 705.000 ha**, đạt 99,4 % so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Đòng già – Trỗ | 57.705 |
| Trà chính vụ | Đòng già – đòng | 230.745 |
| Trà muộn | Đòng – phân hóa đòng | 412.156 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **700.606/ 705.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô xuân | Trỗ cờ - Phát triển bắp | 171.039 |
| - Cây rau xuân | PTTL – Thu hoạch | 88.015 |
| - Khoai tây xuân | Phát triển củ | 4.516 |
| - Cây cà chua | Phát triển quả - thu hoạch | 702 |
| - Cây lạc xuân | Phân cành – ra hoa, đâm tia | 30.150 |
| - Cây hoa | PTTL - nụ, hoa | 2.558 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả | 40.923 |
| + Cây xoài | Phát triển quả | 19.521 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây nhãn | Phát triển quả | 37.750 |
| + Cây vải | Phát triển quả | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp – thu hái | 85.704 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả - thu hoạch | 20.468 |
| - Cây lâm nghiệp |  |  |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 150.068 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 44.000 |
| + Cây bạch đàn | Phát triển – Kinh doanh | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

*a) Cây lúa*

Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **346.373 ha/ 345.000 ha**, đạt 100,40 % so với kế hoạch. Hiện nay đã có 156.735 ha lúa đã trỗ (chiếm 45,5 % diện tích gieo trồng). Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Trà sớm | Trỗ bông – Chín | 33.043 |
| Trà chính vụ | Làm đòng – Trỗ | 260.601 |
| Trà muộn | Đứng cái – Làm đòng | 52.729 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **346.373/ 345.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Cây ngô | 7 lá – Xoáy nõn – Trỗ cờ - Làm hạt | 45.188 |
| Cây lạc | Phát triển củ | 25.350 |
| Cây rau | Cây con - PT thân lá – Thu hoạch | 38.908 |
| Khoai lang | Phát triển thân lá | 5.209 |
| Cây sắn | Thu hoạch - Mới trồng – PT thân lá | 42.647 |
| Cây mía | Thu hoạch – Trồng mới, mọc mầm | 35.179 |
| Cây cam, chanh | KTCB- Lộc xuân - Ra hoa | 23.946 |
| Cây cà phê | Ra hoa – Đậu quả | 3.707 |
| Cây cao su | Ra lá mới | 67.423 |
| Cây hồ tiêu | Phát triển quả | 3.488 |
| Cây chè | KTCB - KD | 13.299 |
| Cây thông | KTCB-KD | 94.627 |
| Keo, bạch đàn | KTCB – KD | 489.142 |
| Cây luồng | KTCB – KD | 82.333 |

***2.3. Các tỉnh DHNTB và Tây Nguyên***

*a) Cây lúa:*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích **328.384 ha/ 322.550 ha**, đạt 102 % so với kế hoạch. Đến ngày 24/4/2025, đã thu hoạch 139.668 ha, chiếm 42,5% diện tích. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Thu hoạch xong | 41.606,3 | 41.606,3 |
| Chính vụ | Chắc xanh – Thu hoạch | 142.905,9 | 63.891,3 |
| Muộn | Ngậm sữa | 47.748,0 |  |
| Tây Nguyên | Sớm | Chín - Thu hoạch | 23.571,0 | 23.571,0 |
| Chính vụ | Ngậm sữa – Chắc xanh | 40.368,7 | 10.599,4 |
| Muộn | Làm đòng – Ngậm sữa | 32.185,0 |  |
|  |  |  | **328.384,9** | **139.668,0** |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | | **328.384/ 322.550** | |

- Lúa Hè Thu sớm 2025: Diện tích đã gieo cấy **6.731 ha** (tăng 939 ha so với tuần trước), phổ biến giai đoạn Xuống giống – Mạ, tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Lâm Đồng,….

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Ngô | | Thâm râu - Thu hoạch | 32.729,9 |
| - Đậu | | Nuôi quả - Thu hoạch | 12.804,7 |
| - Lạc | | Nuôi quả - Thu hoạch | 23.219,0 |
| - Cây rau | | Nhiều giai đoạn | 53.098,6 |
| - Sắn | |  | **137.783,70** |
| Đồng Bằng | Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 24.213,50 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ | 1.286,00 |
| ĐX 2024 - 2025 | PTTL - Tạo củ | 36.771,50 |
| Tây Nguyên | Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 61.218,00 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ - Thu hoạch | 1.596,60 |
| ĐX 2024 - 2025 | PTTL - Tạo củ | 12.698,10 |
| - Cây ăn quả: | |  |  |
| + Thanh long | | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng | | Ra hoa - Quả non | 81.372 |
| + Nho | | Nhiều giai đoạn | 881 |
| + Táo | | Nhiều giai đoạn | 1.122 |
| + Dừa | | Nhiều giai đoạn | 15.934 |
| + Cây có múi | | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp | |  |  |
| + Chè | | Chăm sóc - Thu hoạch | 9.908 |
| + Mía | | Nhiều giai đoạn | 110.943 |
| + Cà phê | | Quả non | 674.185 |
| + Tiêu | | Chăm sóc sau thu hoạch | 73.617 |
| + Điều | | Ra hoa - Nuôi quả - Thu hoạch | 137.186 |
| + Cao su | | Nhiều giai đoạn | 275.423 |

***2.4. Các tỉnh Nam bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã xuống giống **1.585.196 ha/ 1.569.000 ha**, đạt 101% so với kế hoạch. Đến ngày 24/4/2025, đã thu hoạch 1.518.386 ha, chiếm 96% diện tích gieo trồng, diện tích còn lại đang tập trung ở giai đoạn chín, chuẩn bị cho thu hoạch

- Lúa Hè Thu 2025: Diện tích đã xuống giống **787.953 ha/ 1.561.800 ha**, đạt50,45%sovới kế hoạch.Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 273.453 |  |
| Đẻ nhánh | 253.214 |  |
| Đòng - trỗ | 167.229 |  |
| Chín | 79.597 |  |
| Thu hoạch |  | 14.460 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **787.953/ 1.561.800** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 64.132 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 176.654 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 126.910 |
| + Cây xoài | Nuôi quả | 61.855 |
| + Cây chuối | Nhiều giai đoạn | 63.199 |
| + Cây mít | PTTL, Nuôi quả, Thu hoạch | 65.990 |
| + Cây sầu riêng | Sinh trưởng, Thu hoạch - Chăm sóc | 77.752 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.894 |
| + Cây thanh long | Chăm sóc, PTTL | 18.810 |
| + Cây chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.404 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cao su | Thay lá, ra lá non | 515.532 |
| + Điều | Nuôi trái, Thu hoạch | 183.763 |
| + Sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, Thu hoạch | 60.377 |
| + Tiêu | Thu hoạch | 32.048 |
| + Cà phê | Ra hoa, nuôi quả | 22.393 |
| + Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 16.199 |
| + Cây mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 13.957 |

*c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vụ | Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha) | | | Nguyên nhân | |
| Giảm NS  30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo  cấy, dặm lại | Khô hạn, nhiễm mặn (ha) | Ngập úng, đổ ngã |
| Đông Xuân 2024-2025 | 182,6 | 38 | 5 | 0 | 220,6 (KG, ST) |
| **Tổng** | **182,6** | **38** | **5** | **0** | **220,6** |

Trong vụ Đông Xuân 2024-2025, tổng cộng có **220,6 ha** lúa bị thiệt hại do ngập úng và đổ ngã, trong đó: *182,6 ha lúa bị thiệt hại 30-70%; 38 ha thiệt hại >70%* tại tỉnh Sóc Trăng và Kiên Giang.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**1. Cây lúa**

***1.1. Bệnh đạo ôn***

*- Bệnh đạo ôn lá*: Diện tích nhiễm 9.200 ha (tăng 2.168 ha so với kỳ trước, tăng 4.412 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 410 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 12.061 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Phú Thọ, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Lâm Đồng, Gia lai, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Nai, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang…;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 329 ha (giảm 6.773 ha so với kỳ trước, giảm 312 ha so với CKNT); diện tích đã phòng trừ trong kỳ 9.493 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Đồng Nai, Bến Tre…;

*1.2. Sâu cuốn lá nhỏ*:Diện tích nhiễm 2.102 ha (tăng 555 ha so với kỳ trước, tăng 215 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 517 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Yên Bái, Quảng Ninh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Tiền Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang…;

***1.3. Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 2.847 ha (giảm 2.433 ha so với kỳ trước, giảm 20.930 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 17 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.135 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Yên Bái, Tuyên Quang…Quảng Bình, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Phú Yên, Quảng Nam, Đắk Lắk, Tiền Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai, Bình Dương…;

***1.4. Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 1.028 ha (giảm 401 ha so với kỳ trước, tăng 945 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 756 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, Kiên Giang, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***1.5. Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 1.869 ha (giảm 1950 ha so với kỳ trước, tăng 555 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 12 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 896 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Phú Thọ, Yên Bái…Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Thuận, Đồng Nai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Trà Vinh, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***1.6***. ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 4844 ha (giảm 5.657 ha so với kỳ trước, tăng 488 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 101 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 4.695 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, Long An, Đồng Nai…;

***1.7. Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 8.216 ha (tăng 1.105 ha so với kỳ trước, tăng 4.400 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.686 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Gia Lai, Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Long An;

***1.8. Chuột:*** Diện tích nhiễm 13.776 ha (tăng 632 ha so với kỳ trước, tăng 3.606 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 550 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.809 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Nam, Gia Lai, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Nai, Tiền Giang…;

***1.9. Sâu năn (Muỗi hành):*** Diện tích nhiễm 350 ha (tăng 40 ha so với kỳ trước, tăng 350 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 350 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh Đồng Tháp.

**2. Cây ngô**

*Sâu keo mùa thu:* Diện tích nhiễm 347 ha (giảm 1 ha so với kỳ trước, giảm 120 ha so với CKNT), nhiễm nặng 3 ha, diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 262 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Yên Bái, Bắc Kanj, Hải Dương…Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Lâm Đồng, Phú Yên, Gia Lai, Đồng Nai…

**3. Cây nhãn**

*Bệnh chổi rồng:* Diện tích nhiễm 232 ha (tăng 2 ha so với kỳ trước, giảm 147 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 14 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 38 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre,.Hậu Giang....

**4. Cây thanh long**

*Bệnh đốm nâu*: Diện tích nhiễm 399 ha (giảm 675 ha so với kỳ trước, giảm 18 so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.147 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu,…

**5. Cây dừa**

*- Bọ cánh cứng*: Diện tích nhiễm 5.473 ha (giảm 12 ha so với kỳ trước, giảm 923 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 56 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 277 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Yên, Bình Thuận, Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang…;

*- Sâu đầu đen* (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 418 ha (giảm 1 ha với kỳ trước, giảm 139 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 23 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 983 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Bến Tre, Kiên Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng,…

**6. Cây ăn quả có múi**

- *Bệnh vàng lá thối rễ:* Diện tích nhiễm 431 ha (tăng 1 ha so với kỳ trước, giảm 377 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 06 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 371 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Hòa Bình, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

*- Bệnh Greening*: Diện tích nhiễm 654 ha (tăng 37 ha so với kỳ trước, tăng 224 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 61 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước….

**7. Cây sầu riêng**

*Bệnh xì mủ*: Diện tích nhiễm 2.883 ha (giảm 27 ha so với kỳ trước, giảm 867 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 107 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.991 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Đồng Nai, Tiền Giang, Bình Phước, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng…;

**8. Cây hồ tiêu**

*- Tuyến trùng*: Diện tích nhiễm 1.498 ha (tăng 5 ha so với kỳ trước, giảm 351 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 116 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 134 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Kiên Giang..;

*- Bệnh chết chậm*: Diện tích nhiễm 1.040 ha (tăng 57 ha so với kỳ trước, giảm 565 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 172 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 217 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Kiên Giang…;

*- Bệnh chết nhanh*: Diện tích nhiễm 203 ha (giảm 2 ha với kỳ trước, tăng 143 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 10 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu….

**9. Cây cà phê**

*- Bệnh khô cành*:Diện tích nhiễm 7.757 ha (tăng 286 ha so với kỳ trước, giảm 1.404 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 8.167 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

*- Bệnh gỉ sắt:*Diện tích nhiễm 6.185 ha (tăng 20 ha so với kỳ trước, giảm 836 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 9.225 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

**10. Cây chè**

*Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 3.714 ha (tăng 168 ha so với kỳ trước, tăng 372 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.000 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Lâm Đồng, Yên Bái, Hà Nội,…

**11. Cây sắn (khoai mì)**

*Bệnh khảm lá virus:* Diện tích nhiễm 51.309 ha (tăng 886 ha với kỳ trước, giảm 13.999 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 6.406 ha; diện tích đã phòng trừ môi giới truyền bệnh trong kỳ 846 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Đắk Lắk ,Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu….

**12. Cây điều**

*- Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 7.751 ha (giảm 715 ha so với kỳ trước, tăng 2.114 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 35 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.046 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;

*- Bệnh thán thư:* Diện tích nhiễm 6.538 ha (giảm 757 ha so với kỳ trước, tăng 1.435 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 28 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.790 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai,….

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây lúa***

*a) Các tỉnh Bắc Bộ:*

- Bệnh đạo ôn lá: Bệnh tiếp tục hại trên trà chính vụ - muộn, giống nhiễm trong điều kiện thời tiết thuận lợi, đặc biệt là trên những diện tích lúa đã bị nhiễm bệnh chưa được phòng trừ hoặc phòng trừ nhưng hiệu quả không cao.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên diện tích lúa sớm, các giống nhiễm, chủ yếu trên những diện tích lúa đã bị nhiễm đạo ôn lá hại nặng.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Trưởng thành lứa 2 tiếp tục vũ hóa rộ. Trứng nở, sâu non tiếp tục gây hại lúa giai đoạn làm đòng.

- Rầy nâu – rầy lưng trắng: Rầy cám lứa 2 nở rộ

- Sâu đục thân 2 chấm: Sâu non tiếp tục gây hại dảnh héo, bông bạc diện hẹp trên lúa sớm. Trưởng thành lứa 2 tiếp tục vũ hóa.

- Chuột, bọ xít đen, bọ xít dài, bệnh đốm nâu, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, lúa cỏ, bệnh tiêm lửa, vàng lá sinh lý, đen lép hạt tiếp tục hại.

*b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ:*

- Chuột tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa làm đòng – trỗ tại các tỉnh trong vùng, hại nặng tại vùng gần gò bãi, nương máng, gò đống.

- Bệnh đạo ôn cổ bông tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa trỗ bông – phơi màu – chín sữa. Hại nặng trên các giống nhiễm, trên các chân ruộng bị nhiễm đạo ôn lá nặng nếu không tổ chức tốt công tác phun phòng.

- Bệnh khô vằn sẽ phát sinh gây hại tăng nhanh trên lúa làm đòng – trỗ bông, hại nặng những chân ruộng gieo cấy dày, bón phân không cân đối.

- Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn có khả năng phát sinh gây hại tăng trên lúa đứng cái – làm đòng, trỗ bông tại Nghệ An, Thanh Hoá, hại nặng trên các chân ruộng bón phân không cân đối thừa đạm..

- Bệnh lem lép hạt tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa trỗ bông – phơi màu tại các tỉnh Quảng Trị, thành phố Huế, trên lúa trà sớm tại Nghệ An, hại nặng tại những vùng thường xuyên bị bệnh gây hại nặng trong những năm trước.

- Rầy nâu sẽ bắt đầu phát sinh gây hại xu hướng tăng trên lúa làm đòng trỗ bông, có khả năng gây cháy cục bộ trên các giống nhiễm. Các loại SVGH khác phát sinh gây hại nhẹ.

*c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên:*

- Đồng bằng: Rầy nâu+rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh lem lép thối hạt, bệnh khô vằn,...tiếp tục gây hại lúa Đông Xuân muộn giai đoạn cuối vụ.

- Tây Nguyên: Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, rầy nâu+rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh lem lép thối hạt,...gây hại rải rác trên lúa giai đoạn đòng trổ - chín.

- Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

- Ốc bươu vàng lây lan theo nguồn nước, gây hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống giống - mạ.

- Chuột tiếp tục gây hại rải rác trên lúa Đông Xuân giai đoạn trổ - chín, đặc biệt hại giống gieo lúa Hè Thu sớm.

*d) Các tỉnh Nam bộ:*

Lúa Đông Xuân 2024 – 2025 tập trung chủ yếu giai đoạn chín – thu hoạch, các đối tượng sinh vật gây hại giảm.

*- Rầy nâu:* Rầy ngoài đồng phổ biến tuổi 1-3. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2025 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi sát diễn biến rầy vào đèn cũng như tình hình khí tượng thuỷ văn tại địa phương để xuống giống lúa an toàn.

*- Bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, bệnh đen lép hạt:* có khả năng tiếp tục phát triển gây hại trên các trà lúa đang trong giai đoạn trỗ- chín. Ở các ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm trong giai đoạn đón đòng cần chủ động phun ngừa bệnh để bảo về năng suất, phẩm chất lúa.

Ngoài ra, cần chú ý: *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng- trỗ chín; *ốc bươu vàng* gây hại trên lúa Hè Thu mới xuống giống, đặc biệt ở những chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước.

***1.2. Trên cây trồng khác***

*a) Trên cây ngô*: *Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá ,*...tiếp tục gây hại trên ngô giai đoạn phát triển thân lá- xoáy nõn, mức độ hại phổ biến từ nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng. *Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn*,...tiếp tục phát sinh gây hại trên ngô giai đoạn trỗ cờ - thâm râu.

*b) Cây sắn:* *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như *bọ phấn trắng, rệp sáp*,... .

*c) Trên cây rau, màu*: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, bệnh sương mai*,... tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự. *Sâu đục lá cà chua Nam Mỹ, bệnh xoăn lá virus* cà chua*, bệnh sưng rễ* bắp cải,.. tiếp tục gây hại. *Sâu khoang, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, bệnh héo xanh*,... tiếp tục hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lạc, đậu đỗ vụ Đông Xuân.

*d) Trên cây ăn quả:*

*- Cây ăn quả có múi*: *Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening, sâu vẽ bùa, rệp, nhện đỏ,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*- Cây nhãn, vải:* Sâu cuốn lá, sâu đo, bệnh thán thư tiếp tục hại tại các tỉnh phía Bắc; *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục hại chủ yếu trên cây nhãn tại các tỉnh phía Nam.

*- Cây sầu riêng:* Bệnh nứt thân xì mủ do Phytophthora sp., bệnh thán thư,…tiếp tục gây hại trên cây sầu riêng; Mọt đục cành, rệp sáp, rầy bông, bệnh thối rễ,…hại cục bộ.bệnh cháy lá, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... có khả năng gia tăng diện tích nhiễm.

*- Cây thanh long:* *Bệnh đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc*,...tiếp tục gây hại trên các vườn thanh long.

*- Cây dừa:* *Bọ cánh cứng, sâu đầu đen, bọ vòi voi,*... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang, …

*e) Trên cây công nghiệp lâu năm:*

*- Cây cà phê:**Bọ xít muỗi* gây hại chủ yếu trên cây cà phê chè ở Lâm Đồng. *Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt*,...tiếp tục gây hại trên cà phê giai đoạn ra hoa- quả non.

*- Cây hồ tiêu:* *Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp,*... gây hại cục bộ.

*- Cây điều:* *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư ,*...tiếp tục phát sinh và gia tăng gây hại điều giai đoạn ra hoa - nuôi quả.

*- Cây cao su:* *Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh đốm lá, bệnh nấm hồng,*...tiếp tục gây hại nhẹ đến trung bình trên các vườn cao su.

*- Cây chè:* *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*f) Trên tre, luồng, vầu:* Trứng châu chấu tre bắt đầu nở, châu chấu non sẽ phát tán ra diện rộng. Lưu ý: Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm như Điện Biên, Cao Bằng, Sơn La,...để chủ động phòng chống kịp thời và hiệu quả.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh, thành phố thực hiện tốt công văn số 406/BVTV-TV ngày 28/2/2025 của Cục Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng. Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, theo dõi sát diễn biến tình hình sinh vật gây hại chính trong thời kỳ xung yếu trên các cây trồng chủ lực ở địa phương để chủ động các biện pháp phòng chống kịp thời nhằm bảo vệ tốt sản xuất vụ Đông xuân 2024-2025.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: tăng cường công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, theo dõi chặt các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa Đông Xuân 2024-2025 như sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu-rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh đạo ôn, chuột,… Lưu ý: Giám sát chặt chẽ diễn biến phát sinh và gây hại của bệnh đạo ôn, nhất là trong điều kiện thời tiết thuận lợi và trên các giống nhiễm; tiến hành phòng chống kịp thời tại những khu vực có tỷ lệ bệnh hại cao để hạn chế lây lan.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến SVGH chính trên lúa Đông Xuân 2024 - 2025 và tiến độ xuống giống lúa Hè Thu 2025 trên đồng để chủ động các biện pháp phòng, chống và tránh để lây lan trên diện rộng. Tiếp tục tuyên truyền, vận động nông dân diệt chuột và thu lượm ốc bươu vàng liên tục bằng nhiều biện pháp.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng, chống các đối tượng SVGH chính như: *bệnh chết chậm* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi* và *bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại thanh long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục TT&BVTV (để b/c);  - Phòng KH-TC, HTQT (đưa website Cục);  - Trung tâm TT& BVTV vùng;  - Báo NNVN;  - Lưu: VT, TTBVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN(ha)** | | | | **DTN so với (ha)** | | **Phòng trừ (ha)** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đạo ôn lá | 8.790 | 410 | 0 | 9.200 | 2.168 | 4.412 | 12.061 | ĐB, PT, H.Nội..Toàn vùngB.Thuận, L.Đồng, G.LaiVL, HG, ĐN, TG, ĐT, KG |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 329 | 0 | 0 | 329 | -6.773 | -312 | 9.493 | HT, QB,QT,TP HuếG.Lai, L.ĐồngST, ĐN, BT |
| 3 | Rầy hại lúa | 2.830 | 17 | 0 | 2.847 | -2.433 | -20.930 | 1.135 | ĐB, YB, TQ...QBB.Thuận, K.Hòa, Q.Ngãi, P.Yên, Q.Nam, Đ.LắkTG, ĐT, ST, ĐN, BD |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 1.028 | 0 | 0 | 1.028 | -401 | 945 | 756 | VP, YB, ĐBTH,NABL, ĐT, ST, HG, KG, VT |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 2.102 | 0 | 0 | 2.102 | 555 | 215 | 517 | YB, QNQB, TP HueG.LaiAG, VL, ĐT, TG, ST, HG |
| 6 | Bệnh bạc lá | 1.857 | 12 | 0 | 1.869 | -1.949 | 555 | 896 | ĐB, PT, YB...TH,NA,QB,QTB.ThuậnĐN, ST, ĐT, TV, TG, VT |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 4.743 | 101 | 0 | 4.844 | -5.657 | 488 | 4.695 | Điện BiênQT,TP HuếQ.Ngãi, B.Thuận, Q.Nam, K.Hòa, L.Đồng, G.Lai, B.Định, P.YênĐT, ST, TV, KG, LA, ĐN |
| 8 | Chuột hại lúa | 13.227 | 550 | 0 | 13.776 | 632 | 3.606 | 3.809 | ĐB, VP, PT..Toàn vùngQ.Ngãi, K.Hòa, Q.Nam, G.Lai AG, ĐT, HG, ST, ĐN, TG |
| 9 | Ốc bươu vàng | 8.216 | 0 | 0 | 8.216 | 1.105 | 4.400 | 2.686 | K.Hòa, L.Đồng, G.Lai VL, AG, BL, ĐT, ST, LA |
| 10 | Bệnh khô vằn | 15.579 | 510 | 0 | 16.089 | 6.097 | -27.002 | 9.389 | PT, TN, ĐB...Toàn vùngQ.Ngãi, Q.Nam, K.Hòa, L.Đồng, B.Định, P.Yên, G.Lai, Đ.LắkST |
| 11 | Muỗi hành | 350 | 0 | 0 | 350 | 40 | 350 | 350 | ĐT |
| 12 | Bọ trĩ | 2.536 | 0 | 0 | 2.536 | 1.647 | -151 | 1.209 | B.ĐịnhAG, BL, ĐT, VL, ĐN, ST |
| **II** | **Cây trồng khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 218 | 14 | 0 | 232 | 2 | -147 | 38 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 425 | 6 | 0 | 431 | 1 | -377 | 371 | TQ, HBHG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 651 | 3 | 0 | 654 | 37 | 224 | 61 | VL, HG, ST, TV, BP |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 399 | 0 | 0 | 399 | -675 | -18 | 2.147 | B.ThuậnLA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.417 | 56 | 0 | 5.473 | -12 | -923 | 277 | P.YênBT, ST, CM, TG, KG, TV, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa | 395 | 23 | 0 | 418 | -1 | -139 | 983 | K.Hòa, B.Thuận, P.YênBT, KG, TV, TG, ST, VL |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 2.776 | 107 | 0 | 2.883 | -27 | -867 | 2.991 | L.Đồng, K.Hòa, Đ.LắkĐN, TG, BP, VL, HG, ST |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.382 | 116 | 0 | 1.498 | 5 | -351 | 134 | QTG.LaiĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 868 | 172 | 0 | 1.040 | 58 | -565 | 217 | QB, QT G.Lai, Đ.Lắk, B.ThuậnĐN, BP, BRVT, BD, KG |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 203 | 0 | 0 | 203 | 2 | 143 | 10 | G.LaiĐN, BP, KG, BRVT |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 7.757 | 0 | 0 | 7.757 | 286 | -1.404 | 8.167 | Điện BiênQTL.Đồng, G.Lai, Đ.LắkĐN, BP |
| 12 | Gỉ sắt cà phê | 6.185 | 0 | 0 | 6.185 | 19 | -836 | 9.225 | ĐB, SLQTL.Đồng, G.Lai, Đ.LắkĐN, BP |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 7.716 | 35 | 0 | 7.751 | -715 | 2.114 | 3.046 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, K.HòaBP, ĐN, BRVT |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 6.510 | 28 | 0 | 6.538 | -757 | 1.435 | 2.790 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.ThuậnBP, ĐN |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 3.714 | 0 | 0 | 3.714 | 168 | 372 | 3.000 | TN, H.Nội, YB…L.Đồng |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 44.903 | 6.406 | 0 | 51.309 | 886 | -13.999 | 846 | Toàn vùngP.Yên, Q.Nam, Q.Ngãi, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, Đ.LắkTN, ĐN, BRVT, BD, BP, LA |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 344 | 3 | 0 | 347 | -1 | -120 | 262 | YB, BK, HD...TH, NA,HT,QBL.Đồng, P.Yên, G.LaiĐN |